

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HS-ST**

Ngày: 10-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Đại Trọng- Hiệu trưởng trường Tiểu học T, thị xã H.

2. Ông Trần Đ Trình- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị xã H.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh Đ (tên gọi khác: Chó Đ); sinh ngày 01/3/1989 tại tỉnh QT; nơi cư trú: Tổ 9, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: bán bánh canh; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm 1959 và bà Đặng Thị V (chết); vợ con: chưa có;

Quá trình nhân thân:

- Năm 2006, bị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 3 Đà Nẵng thời hạn 12 tháng Theo Quyết định số 1005 ngày 03/7/2006). Ngày 18/6/2007 bị cáo chấp hành xong.

- Ngày 9/9/2013, bị Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng, về hành vi: “Dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản”. Hiện bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 19/11/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số: 46 ngày). Bị cáo chấp hành xong ngày 15/7/2015.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án Ngày 02/8/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 08 tháng tù, về tội: “Đánh bạc” (Bản án số 48 ngày 02/8/2019). Bị cáo chấp hành xong ngày 19/9/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2019. Tạm giam ngày 7/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Đức H (tên gọi khác: Nhỏ H); sinh ngày 01/01/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm: 1968; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2019, tạm giam ngày 7/10/2019. Đến ngày 18/02/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Trần Văn T; sinh ngày 07/02/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên quán Karaoke; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1959; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/10/2019 cho đến nay tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Lê Văn D (tên gọi khác: L); sinh ngày 29/01/1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 04, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1963 và bà Văn Thị T, sinh năm: 1961; Vợ: Đã ly hôn. Con: Có 01 con 03 tuổi.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2019. Tạm giam ngày 7/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

5. Trần Hữu L; sinh ngày 30/8/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 8, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu H, sinh năm 1960 và bà Trần Thị C, sinh năm: 1960; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2019. Tạm giam ngày 7/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Văn T1 (tên gọi khác: B); sinh ngày 23/6/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn TĐ1, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2, sinh năm 1970 và Phạm Thị T, sinh năm: 1975; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/10/2019 cho đến nay tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Trần Đức A (tên gọi khác: Đ); sinh ngày 04/10/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T, sinh năm 1958 và Phan Thị Ngọc H, sinh năm: 1968; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/10/2019 cho đến nay tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

8. Trần Tuấn V (tên gọi khác: Cu N); sinh ngày 25/3/2003 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên quán Karaoke; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1960 và Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1968; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/10/2019 cho đến nay tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

9. Trần Lê Minh V (tên gọi khác: T); sinh ngày 29/01/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên quán Karaoke; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V, sinh năm 1966 và Lê Thị H, sinh năm: 1967; vợ con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/10/2019 cho đến nay tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1: Ông Nguyễn Văn C- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Bà Hồ Thị L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn V: Bà Hồ Thị L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức A: Bà Đỗ Thị Thanh H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê Minh V: Bà Đỗ Thị Thanh H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh Đ: Ông Trần Lê Minh V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T: Ông Trần Văn L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông L vắng mặt, bà C có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn T1: Ông Lê Văn T2, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn TĐ1, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; ông T2 có mặt, bà T vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đức A: Ông Trần Đức T, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T vắng mặt, bà H có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tuấn V: Ông Trần Văn M, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Ông M có mặt, bà Y vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Lê Minh V: Ông Trần V, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm y tế thị xã H; địa chỉ: Số 02 đường Q, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1223 đường N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Trần Đức T, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

4. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn TĐ1, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

1. Anh Lê Viết H, sinh ngày 02/6/1993; địa chỉ: Tổ 9, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Lê Viết T, sinh ngày 27/4/1989; địa chỉ: Tổ 9, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Lê Bá Đ, sinh ngày 22/02/1994; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 10/7/1997; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Anh Tôn Thất T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/9/1989; Tổ 9, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trương Quang P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê Hoàng Thiên V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1996. Địa chỉ: 20/17 đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1982. Địa chỉ: 20/17 đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ 3, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Anh Phạm Phước Huy T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Anh Hoàng Trọng Đăng Q, sinh năm 1995; địa chỉ: 40 đường S, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau, nên khoảng 23 giờ 30 ngày 26/9/2019, nhóm của Trần Đức H, gồm có: Trần Thanh Đ, Lê Văn D, Trần Hữu L, Trần Văn T, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V, Trần Lê Minh V và Nguyễn Hữu H (sinh ngày: 12/9/1989, trú tại: tổ 9, phường P, thị xã H) và nhóm của Lê Viết H (sinh năm 1993, trú tại: tổ 9, phường P, thị xã H), gồm có: Nguyễn Bá Đ (sinh năm 1994, trú tại: tổ 7, phường P, thị xã H), Lê Viết T (sinh năm 1989, trú tại: tổ 9, phường P, thị xã H), Tôn

Thất T (sinh năm 1989, trú tại: thôn H, thị trấn P, huyện P), Nguyễn Duy Đ (sinh năm 1997, trú tại: tổ 6, phường T, thị xã H) cùng một số đối tượng có tên là: H, A, C (đều không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể); hẹn nhau đến khu vực nhà văn hóa thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, để nói chuyện. Lúc này, Trần Văn T tự ý đến câu lạc bộ L, ở kiết 16 đường 2/9, phường P, thị xã H, lấy 02 cây rựa, 02 ống tuýp sắt rồi đến chỗ hẹn đưa cho đồng bọn.

Khi đến khu vực nhà văn hóa thị xã H thì giữa hai bên xảy ra xô xát, rồi dùng vỏ chai bia ném qua lại lẫn nhau. Lúc này, Tôn Thất T bị mảnh vỡ vỏ chai bia văng trúng vào chân phải bị thương nên T nhờ anh Hoàng Trọng Đăng Q, sinh năm 1995, trú tại: tổ 10, phường P, thị xã H, chở về Trung tâm y tế thị xã H để băng bó và điều trị vết thương; những người còn lại bỏ chạy khỏi hiện trường, quá trình đánh nhau, ngoài T ra thì không có ai bị thương tích gì. Riêng Nguyễn Hữu H, trong khi đánh nhau, bị nhóm của Lê Viết H đuổi nên đã bỏ chạy về nhà.

Sau khi đánh nhau xong, nhóm của Trần Đức H tập trung lại và không thấy Nguyễn Hữu H và nghe thông tin Nguyễn Hữu H bị nhóm của Lê Viết H đánh bị thương đã đưa về Trung tâm y tế thị xã H cấp cứu nên cả nhóm của Trần Đức H cùng nhau về Trung tâm y tế thị xã H với mục đích để tìm Nguyễn Hữu H xem vết thương thế nào và đồng thời nếu gặp nhóm của Lê Viết H thì đánh trả thù.

Khoảng 0 giờ 30 ngày 27/9/2019, Lê Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75G1-25948 (xe của ông Lê Văn T2 là bố của T1), chở Trần Hữu L và Lê Văn T1; Trần Văn T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 75F9-1984 (xe của Lê Văn D), chở Trần Đức H và Trần Tuấn V; Trần Đức A điều khiển xe mô tô hiệu Atila màu xám (xe không rõ biển số của Nguyễn Hữu H), chở Trần Thanh Đ và Trần Lê Minh V, cùng mang theo 02 rựa, 02 tuýp sắt, 01 dao, đi về Trung tâm y tế thị xã H.

Khi đến Trung tâm y tế thị xã H, nhóm của Trần Đức H đi vào phòng Cấp cứu để tìm Nguyễn Hữu H, riêng Trần Lê Minh V sau khi vào phòng cấp cứu đã đi ra rồi đi tới các phòng bệnh gần đó để tìm Nguyễn Hữu H và nhóm của Lê Viết H. Lúc này, tại phòng Cấp cứu gồm có: Bác sỹ Lê Hoàng Thiên V, Điều dưỡng: Trương Quang P, Nguyễn Thị Thùy T, Trần Thị Diệu H; đang tiến hành điều trị vết thương cho Tôn Thất T và trong phòng lúc này còn có anh Hoàng Trọng Đăng Q (người chở T về bệnh viện). Thấy T và nghĩ anh Q là người cùng nhóm với T nên nhóm của Trần Đức H xông đến, dùng tay, rựa (sử dụng phần sừng lưng), ống tuýp sắt đánh anh Q, anh T (trong đó: Trần Đức H dùng tay, chân đánh T và Q; T1, L, Anh dùng ống tuýp sắt đánh Q; Đ dùng rựa, trở sừng lưng đánh T; V, Trần Văn T, dùng tay, chân đánh Q); Trần Hữu L lấy bàn để dụng cụ y tế, cây giá treo bình dịch ném về phía anh Q và cả nhóm còn la hét, chửi bới, gây náo loạn tại phòng cấp cứu và các phòng bệnh nhân quanh khu vực; làm cho các Bác sỹ, Điều dưỡng phải dừng việc cấp cứu, điều trị cho T và bỏ chạy ra ngoài. Đến khoảng 15 phút sau thì nhóm của Trần Đức H mới bỏ đi.

Hậu quả: Anh Q, T bị xây xát nhẹ; bàn, khay để dụng cụ y tế bị móp méo.

Về vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 cây đeo dây truyền dịch; 01 khay kim loại; 01 bàn kéo nhựa có 04 chân tại Khoa cấp cứu Bệnh viện H.

- 01 áo khoác dài tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xám đen của Trần Văn T.

- 01 áo khoác dài tay carô màu xám xanh đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Tuấn V.

- 01 áo Bun màu trắng; 01 quần Short màu xanh xẫm của Lê Văn T1.

- 01 áo khoát Jean dài tay màu xanh; 01 quần đùi màu đen của Trần Lê Minh V.

- 01 mũ bảo hiểm màu trắng sọc đỏ; 01 áo Bun cổ màu đen; 01 quần Short Kaki màu xanh đen của Trần Đức H.

- 01 USB hiệu Kingston được sao lưu từ Camera Tổ chức hành chính cứu Bệnh viện H.

- 01 áo khác dài tay màu xám; 01 quần Short Jean màu xanh của Lê Văn D.

- 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần Short Kaki màu trắng của Trần Hữu L.

- 01 áo khoác dài tay màu xanh; 01 tây dài màu đen của Trần Đức A.

- 01 xe mô tô BKS: 75F9-1984 của Lê Văn D.

- 01 xe mô tô BKS: 75G1-25948 của Lê Văn T1.

- 01 ống tuýp bằng kim loại dài 80cm; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 98cm.

- 01 cây rựa dài 67cm, có cán tre dài 34cm; 01 cây rựa dài 62cm, có cán tre dài 30cm.

- 01 cây dao dài 40cm mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 12cm (cây dao này Trần Thanh Đ khai nhận lấy ở đâu do say rượu nên không nhớ và Đ cũng không dùng làm hung khí để đánh anh T và anh Q).

Hiện 01 cây đeo dây truyền dịch; 01 khay kim loại; 01 bàn kéo nhựa có 04 chân; USB; xe mô tô BKS: 75G1-25948, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô hiệu Atila màu xám, không rõ biển số của Nguyễn Hữu H; sau khi gây án, các bị cáo đã trả lại cho Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 551-19/TgT ngày 30/12/2019, của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Tôn Thất T (do bị mảnh chai bia văng vào):

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương phần mềm bàn chân phải đứt bó mạch chày sau đó đã phẫu thuật khâu nối động mạch chày sau, không ảnh hưởng vận động cổ chân.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 09%.

3. Vật gây và cơ chế hình thành: Vật sắc có cạnh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 495-19/TgT ngày 25/11/2019, của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Hoàng Trọng Đăng Q là: 01%.

Về trách nhiệm dân sự:

Do tài sản không bị thiệt hại gì nên đại diện hợp pháp của Trung tâm y tế thị xã H là bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Anh Tôn Thất T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Hiện các bị cáo đã liên đới bồi thường đầy đủ số tiền trên.

Anh Hoàng Trọng Đăng Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 28/CT-VKS-Hh ngày 21/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Đ H, Trần Văn T, Lê Văn D, Trần Hữu L, Lê Văn T1, Trần Đ A, Trần Tuấn V và Trần Lê Minh V; về tội: “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thanh Đ, xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ 15 tháng tù đến 18 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đức H, xử phạt bị cáo Trần Đức H: 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

- + Bị cáo Lê Văn D: 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

- + Bị cáo Trần Hữu L: 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- + Bị cáo Trần Văn T: 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- + Bị cáo Lê Văn T1: 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- + Bị cáo Trần Đức A: 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- + Bị cáo Trần Tuấn V: 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- + Bị cáo Trần Lê Minh V: 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả 01 cây đeo dây truyền dịch; 01 khay kim loại; 01 bàn kéo nhựa có 04 chân; USB; xe mô tô BKS: 75G1-25948 cho các chủ sở hữu; đối với xe mô tô hiệu Atila màu xám, không rõ biển số của Nguyễn Hữu H; sau khi gây án, các bị cáo đã trả lại cho Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 áo khoác dài tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xám đen của Trần Văn T; 01 áo khoác dài tay carô màu xám xanh đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Tuấn V; 01 áo Bun màu trắng; 01 quần Short màu xanh xám của Lê Văn T1; 01 áo khoát Jean dài tay màu xanh; 01 quần đùi màu đen của Trần Lê Minh V; 01 mũ bảo hiểm màu trắng sọc đỏ; 01 áo Bun cổ màu đen; 01 quần Short Kaki màu xanh đen của Trần Đức H; 01 áo khác dài tay màu xám; 01 quần Short Jean màu xanh của Lê Văn D; 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần Short Kaki màu trắng của Trần Hữu L; 01 áo khoác dài tay màu xanh; 01 tây dài màu đen của Trần Đức A; 01 xe mô tô BKS: 75F9-1984 của Lê Văn D; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 80cm; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 98cm; 01 cây rựa dài 67cm, có cán tre dài 34cm; 01 cây rựa dài 62cm, có cán tre dài 30cm; 01 cây dao dài 40cm mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 12cm; đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và đồ vật không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 75F9-1984 của Lê Văn D, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội đối với các bị cáo Trần Đức H, Trần Thanh Đ, Lê Văn D, Trần Hữu L, Trần Văn T, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V và Trần Lê Minh V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khoảng thời gian từ 00 giờ 30 phút đến 00 giờ 45 phút ngày 27/9/2019, tại phòng cấp cứu của Trung tâm y tế thị xã H, thuộc phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Đức H, Trần Văn T, Lê Văn D, Trần Hữu L, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V và Trần Lê Minh V; đã có hành vi dùng hung khí là rựa, dao, ống tuýp sắt và dùng tay, chân, đánh anh Hoàng Trọng Đăng Q và Tôn Thất T, đập phá các vật dụng y tế và còn la hét, chửi bới; gây rối trật tự công cộng làm gián đoạn việc điều trị, cấp cứu cho bệnh nhân và làm ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của Trung tâm y tế thị xã H; gây hoang mang, lo lắng cho các y, bác sỹ, bệnh nhân đang làm việc và điều trị tại Trung tâm y tế thị xã H; và còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Hành vi trên của các bị cáo diễn ra tại Trung tâm y tế thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; là nơi công cộng, tập trung đông bệnh nhân, cán bộ công nhân viên chức đang khám, chữa bệnh.

Thời gian xảy ra sự việc là từ khoảng 00 giờ 30 phút đến 00 giờ 45 phút ngày 27/9/2019, là thời gian nghỉ ngơi của các bệnh nhân đang được điều trị và các nhân viên y tế, ý sỹ, bác sỹ,... của Trung tâm y tế thị xã H. Mặc dù chưa gây hậu quả về tính mạng, sức khỏe của người khác nhưng hành vi của các bị cáo đã gây hoang mang trong dư luận và bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân tại khu vực xảy ra vụ án; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở nơi công cộng tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo Trần Đức H, Trần Thanh Đ, Lê Văn D, Trần Hữu L, Trần Văn T, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V và Trần Lê Minh V đã phạm vào tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-Hh ngày 21/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ pháp luật, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo gây ra là đã phạm vào khung hình phạt nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Đức H, Lê Văn D, Trần Hữu L là người đã trưởng thành, đối với các bị cáo còn lại mặc dù chưa thanh niên nhưng vẫn nhận thức được hành vi gây rối trật tự công cộng là trái pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm khắc những vẫn thực hiện, hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, xem thường pháp luật.

Vụ án này có tính chất đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều có vai trò thực hành, các bị cáo đều đồng thuận ý chí với nhau về Trung tâm y tế thị xã H để tìm Nguyễn Hữu H xem vết thương thế nào và đồng thời nếu gặp nhóm của Lê Viết H thì đánh trả thù; khi gặp anh T, anh Q, bị cáo Trần Đức H có lời nói kích động các bị cáo khác gây rối tại Trung tâm y tế thị xã H và Trần Đức H tham gia

đánh anh Q, anh T; các bị cáo T1, L, Anh dùng tít sắt đánh Q; Đ dùng rựa, trở sống lưng đánh T; V, Trần Văn T, dùng tay, chân đánh Q); Trần Hữu L lấy bàn để dụng cụ y tế, cây giá treo bình dịch ném về phía anh Q và cả nhóm còn la hét, chửi bới, gây náo loạn tại phòng cấp cứu và các phòng bệnh nhân quanh khu vực. Còn Lê Văn D và Trần Lê Minh V tuy không tham gia đánh anh Q, anh T nhưng đã tiếp nhận ý chí và hỗ trợ cho những bị cáo khác gây rối trật tự công cộng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Trần Thanh Đ đã bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo khác không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường về dân sự cho anh Tôn Thất T nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Trần Đức H, Trần Đức A có gia đình thờ cúng liệt sĩ nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V, Trần Lê Minh V khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các chính sách đối với người chưa thành niên để xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo Trần Thanh Đ có nhân thân xấu, từng bị xử phạt nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội, do đó cần xử lý thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo Trần Hữu L, Lê Văn D có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đã có thời gian bị tạm giữ, tạm giam cũng đã là bài học cho bản thân nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt các bị cáo bằng với thời gian đã tạm giam là cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Trần Đức H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời bị cáo đã có thời gian bị tạm giữ, tạm giam cũng đã là bài học cho bản thân; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V, Trần Lê Minh V khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các chính sách đối với người chưa thành niên để xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; đồng thời các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó áp dụng Điều 100 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của Trung tâm y tế thị xã H và anh Hoàng Trọng Đăng Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh Tôn Thất T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Hiện các bị cáo đã liên đới bồi thường đầy đủ số tiền trên, anh T không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xám đen của Trần Văn T; 01 áo khoác dài tay carô màu xám xanh đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Tuấn V; 01 áo Bun màu trắng; 01 quần Short màu xanh xẫm của Lê Văn T1; 01 áo khoác Jean dài tay màu xanh; 01 quần đùi màu đen của Trần Lê Minh V; 01 mũ bảo hiểm màu trắng sọc đỏ; 01 áo Bun cổ màu đen; 01 quần Short Kaki màu xanh đen của Trần Đức H; 01 áo khác dài tay màu xám; 01 quần Short Jean màu xanh của Lê Văn D; 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần Short Kaki màu trắng của Trần Hữu L; 01 áo khoác dài tay màu xanh; 01 tây dài màu đen của Trần Đức A là những vật chứng không có giá trị sử dụng, các bị cáo không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 75F9-1984 thuộc sở hữu của bị cáo Lê Văn D. Đây là phương tiện mà bị cáo D đồng ý để Trần Văn T chở các bị cáo khác tham gia phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ống tuýp bằng kim loại dài 80cm; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 98cm; 01 cây rựa dài 67cm, có cán tre dài 34cm; 01 cây rựa dài 62cm, có cán tre dài 30cm; 01 cây dao dài 40cm mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 12cm (cây dao này Trần Thanh Đ khai nhận lấy ở đâu do say rượu nên không nhớ và Đ cũng không dùng làm hung khí để đánh anh T và anh Q) là công cụ gây án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã H và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Đ (tên gọi khác: Chó Đ), Trần Đức H (tên gọi khác: Nhỏ H), Trần Văn T, Lê Văn D (tên gọi khác: L), Trần Hữu L, Lê Văn T1 (tên gọi khác: B), Trần Đức A (tên gọi khác: Đ), Trần Tuấn V (tên gọi khác: Cu N) và Trần Lê Minh V (tên gọi khác: T) đều phạm tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh Đ.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh Đ** (tên gọi khác: Chó Đ): 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo **Trần Hữu L**: 08 (Tám) tháng 13 (Mười ba) ngày tù, bằng với thời gian bị tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo bị xử phạt tù bằng với thời gian bị tạm giam, bị cáo L không bị tạm giam về một tội khác nên Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Hữu L.

+ Bị cáo **Lê Văn D**: (tên gọi khác: L) 08 (Tám) tháng 13 (Mười ba) ngày tù, bằng với thời gian bị tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo bị xử phạt tù bằng với thời gian bị tạm giam, bị cáo D không bị tạm giam về một tội khác nên Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn D.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Trần Đức H**: (tên gọi khác: Nhỏ H) 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Đức H cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành

hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 36, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn T1(tên gọi khác: B) Trần Đức A (tên gọi khác: Đ), Trần Tuấn V (tên gọi khác: Cu N) và Trần Lê Minh V (tên gọi khác: T).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T**: 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T1(tên gọi khác: B): 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức A** (tên gọi khác: Đ): 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Đức A cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Tuấn V** (tên gọi khác: Cu N): 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Tuấn V cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Lê Minh V** (tên gọi khác: T): 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Lê Minh V cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác dài tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xám đen của Trần Văn T; 01 áo khoác dài tay carô màu xám xanh đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Tuấn V; 01 áo Bun màu trắng; 01 quần Short màu xanh xậm của Lê Văn T1; 01 áo khoát Jean dài tay màu xanh; 01 quần đùi màu đen của Trần Lê Minh V; 01 mũ bảo hiểm màu trắng sọc đỏ; 01 áo Bun cổ màu đen; 01 quần Short Kaki màu xanh đen của Trần Đức H; 01 áo khác dài tay màu xám; 01 quần Short Jean

màu xanh của Lê Văn D; 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần Short Kaki màu trắng của Trần Hữu L; 01 áo khoác dài tay màu xanh; 01 tây dài màu đen của Trần Đức A; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 80cm; 01 ống tuýp bằng kim loại dài 98cm; 01 cây rựa dài 67cm, có cán tre dài 34cm; 01 cây rựa dài 62cm, có cán tre dài 30cm; 01 cây dao dài 40cm mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 12cm

- Tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước đối với 01 xe mô tô BKS: 75F9-1984 của Lê Văn D.

Vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã H và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của Trung tâm y tế thị xã H và anh Hoàng Trọng Đăng Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh Tôn Thất T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Hiện các bị cáo đã liên đới bồi thường đầy đủ số tiền trên, anh T không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Đức H, Trần Văn T, Lê Văn D, Trần Hữu L, Lê Văn T1, Trần Đức A, Trần Tuấn V và Trần Lê Minh V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T.T Huế
- TAND tỉnh T.T Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- Công an TX. Hương Thủy;
- Trại giam CA tỉnh T Huế;
- THADS TX. Hương Thủy;
- THAHS Công an TX. Hương Thủy;
- Nhà tạm giữ CA TX H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Dũng